TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/3/2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị T và ông Lương Văn K

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị P - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*: Bà Đào Thị Quỳnh M - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2023/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 về *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1996 - Có mặt

Bị đơn: Anh Đoàn Anh Q, sinh năm 1998 - Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Đoàn Đức A, sinh ngày 09/8/2022

+ Cháu Đoàn Đức A1, sinh ngày 09/8/2022

Người đại diện hợp pháp cho các cháu Đức A và Đức A1: Anh Đoàn Anh Q và chị Nguyễn Thị Kim T là bố mẹ đẻ của các cháu.

Đều trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người làm chứng:

- Bà Đào Thị N,sinh năm 1972

Trú tại: Đội 6, thôn L, xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên

(Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đoàn Anh Q tự nguyện đăng ký kết hônngày 23/4/2019 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn chị T chuyển khẩu về gia đình anh Q tại thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đặc biệt từ khi sinh con anh Q không cho chị và các con về thăm ông bà ngoại. Chị T làm gì thì anh Q và gia đình anh đều không đồng ý. Vợ chồng từ đó hay xảy ra tranh cãi. Anh Q đi làm cũng không phụ giúp chị về kinh tế để chăm lo cho gia đình, trang trải sinh hoạt và lo cho các con. Do áp lực và không thể chịu đựng được sự ích kỷ của anh Q, chị T đã cho các cháu về sống với bố mẹ đẻ ở thôn L, xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Sau những mâu thuẫn, chị T, anh Q cũng đã cố gắng, hai bên gia đình cũng khuyên bảo nhưng vẫn không cải thiện được hạnh phúc gia đình. Anh chị sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế hoàn toàn độc lập.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là các cháu Đoàn Đức A và Đoàn Đức A1 cùng sinh ngày 09/8/2022. Hiện nay cháu A đang ở với chị T, cháu A1 đang ở với anh Q. Do hai cháu còn quá nhỏ, rất cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ hơn nữa các cháu đều dưới 36 tháng tuổi. Nên chị T tha thiết đề nghị Tòa án xem xét cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06/11/2023 bị đơn anh Đoàn Anh Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cách nuôi dạy con cái cũng như trong công việc hàng ngày, vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, lời qua tiếng lại nên cuộc sống lúc nào cũng căng thẳng và áp lực. Anh Q và chị T cũng đã cố gắng tìm giải pháp để duy trì hạnh phúc nhưng không có kết quả. Khi chị T về sống với gia đình anh Q, bố mẹ anh Q cũng coi chị T như con gái nên bảo ban anh chị làm ăn. Chị T không nghe mà còn cho rằng bố mẹ anh Q khó khăn và chị đã cãi hỗn với bố mẹ anh Q. Từ những lý do đó nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 09/2023 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và anh chị cũng sống ly thân luôn từ đó. Đến nay, anh Q xác định không còn tình cảm với chị T, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Đoàn Đức A và Đoàn Đức A1 cùng sinh ngày 09/8/2022. Hiện nay cháu A đang ở với chị T,

cháu A1 đang ở với anh Q. Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi 02 cháu hoặc 01 cháu. Nếu được nuôi hai cháu anh cũng không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Chị T và anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của chị T, bà Lê Thị N mẹ đẻ của anh Q đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh Q mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế, không tìm được tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau nên hôn nhân của chị T, anh Q không mấy hạnh phúc. Chị T và anh Q đã ly thân từ tháng 9/2023 cho tới nay. Còn việc anh chị ly hôn là do anh chị tự quyết định.

Xác minh tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên: Chị T, anh Q có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 23/4/2019. Theo Ủy ban nhân dân xã cung cấp: Chị T và anh Q sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, có xảy ra tranh cãi, chị T đã không sống chung với gia đình anh Q nữa còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, anh chị đều có hộ khẩu thường trú và có mặt tại địa phương. Nay chị Nguyễn Thị Kim T có đơn xin ly hôn với anh Đoàn Anh Q thì quan điểm của UBND xã H là đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa chị T và anh Q đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân anh chị thuận tình ly hôn; Về tài sản chung, công sức, nợ nần anh chị đều tự nguyện không yêu cầu giải quyết; Về con chung anh chị không thống nhất được.

Tại phiên toà hôm nay:

Về tình cảm vợ chồng: Anh chị đều xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị T xin nuôi cả hai con chung, do các cháu chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh Q xin nuôi cả hai con chung, nếu không được xin nuôi một cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về tài sản chung: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự;

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung sinh đôi: Tính đến ngày hôm nay hai cháu Đức A và Đức A1 chưa đủ 36 tháng tuổi nên đề nghị giao các cháu Đức A và Đức A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Q không phải chấp dưỡng nuôi con chung với chị T;

Về tài sản chung; công sức; nợ nần: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện xin ly hôn anh Đoàn Anh Q có nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim Tvà anh Đoàn Anh Q:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đoàn Anh Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên ngày 23/4/2019. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau. Anh Q không chăm lo cho gia đình, anh chị không thể bàn bạc hay bảo ban nhau bất kỳ việc gì kể cả việc chăm sóc các con. Anh Q đi làm cũng không phụ giúp chị T về kinh tế để chăm lo, trang trải sinh hoạt và nuôi con, chị có đề nghị anh Q phụ giúp nhưng anh Q lại có những lời lẽ thiếu trách nhiệm. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình hai bên biết, khuyên bảo nhưng không được, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn khiến chị T phải bỏ về nhà đẻ sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, cả hai đều xác định không còn tình cảm, vợ chồng không đoàn tụ được, nhất trí ly hôn. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của anh chị nên được HĐXX chấp nhận là phù hợp với pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là các cháu Đoàn Đức A và Đoàn Đức A1 cùng sinh ngày 09/8/2022. Chị T tha thiết xin nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu của anh Q xin nuôi một hoặc cả hai con chung HĐXX thấy, các cháu còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật con dưới 36 tháng tuổi giao cho người mẹ nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị T tha thiết có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung và đã được chấp nhận nên yêu cầu của anh Q không phù hợp với pháp luật. Do đó,yêu cầu của anh Q không được HĐXX chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6].Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đoàn Anh Q.

- *Về con chung:*Giao cháu Đoàn Đức A và Đoàn Đức A1 cùng sinh ngày 09/8/2022 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Thời gian tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh Q được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:*Chị T, anh Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai có ký hiệu BLTU/23 số 0000519ngày 30/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:*Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H (CNKH số 22/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh N